

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/DS-PT  
Ngày 11-4-2019  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị An Tiên.

*Các thẩm phán:* Ông Trần Quốc Tuấn;

Bà Trần Thị Kim Sang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:** Bà Hứa Thị Kim Ngân  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 73/2018/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2019/QĐPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Q sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 2, ấp PD, xã PD, huyện G, tỉnh TN.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Đặng Tấn L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã TĐ, huyện G, tỉnh TN – Là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 11-7-2018). (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1971; Anh Đặng Thành H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp C, xã PD, huyện G, tỉnh TN.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 391/16/7D, Đường H1, khu phố 1, phường TĐ, Quận 7, Thành phố H – Là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 14-7-2018). (Có mặt.)

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn V.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Q và người đại diện theo ủy quyền anh Đặng Tấn L trình bày:*

Ngày 19-7-2017 chị T vay của bà Q 800.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 9%/tháng; thời hạn trả vốn và lãi vào ngày 21-7-2017. Ngày 25-7-2017 chị T mới trả 300.000.000 đồng; ngày 02-8-2017 trả 100.000.000 đồng, ngày 03-8-2017 trả 50.000.000 đồng; ngày 15-8-2017 trả 30.000.000 đồng; ngày 08-9-2017 trả 20.000.000 đồng. Đã trả tổng cộng 500.000.000 đồng, còn nợ 300.000.000 đồng.

Ngày 27-7-2017 chị T vay 700.000.000 đồng, thỏa thuận tính lãi 9%/tháng, khoản vay này chị T chưa trả. Đến nay chị T còn nợ bà Q tổng cộng 1.000.000.000 đồng. Các lần vay tiền có viết giấy do chị T ký. Bà Q yêu cầu chị T và anh H trả cho bà Q 1.000.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu tính lãi từ ngày 08-9-2017 đến khi xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:*

Ông thừa nhận chị T còn nợ bà Q 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 83.000.000 đồng tiền lãi. Chị T đồng ý trả cho bà Q 1.000.000.000 đồng, yêu cầu giảm tiền lãi. Anh H không có nghĩa vụ liên đới trả nợ vì anh H hoàn toàn không biết việc chị T vay tiền.

*Tại bản án sơ thẩm số 73/2018/DS -ST ngày 30-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh quyết định:*

**Căn cứ các Điều 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự;** Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q đối với chị Võ Thị T và anh Đặng Thành H. Buộc chị Võ Thị T và ông Đặng Thành H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Q số tiền 1.113.986.000 đồng (Một tỷ một trăm mười ba triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

\* **Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo đề ngày 20-11-2018 của ông Nguyễn Văn V - người đại diện theo ủy quyền của anh Đặng Thanh H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G không chấp nhận yêu cầu của bà Q về buộc anh H cùng với chị T có nghĩa vụ trả nợ vì

anh H không còn sống chung với chị T từ năm 2012.

### **Ý kiến Kiểm sát viên:**

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Điều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Đặng Thành H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữa nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn V - người đại diện theo ủy quyền của anh Đặng Thành H thấy rằng:*

Tuy khi giao dịch vay tiền các giấy nợ chỉ do một mình chị T ký tên, không có chữ ký của anh H nhưng việc giao dịch được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của anh chị. Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, có cơ sở xác định chị T và anh H vẫn sống chung tại nhà anh chị địa chỉ ấp C, xã PD, huyện G, tỉnh TN. Do đó, ông V cho rằng anh H và chị T không còn sống chung từ năm 2012 là không phù hợp. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh H cũng trình bày, chị T vay tiền của bà Q là để góp vốn kinh doanh nhưng bị thua lỗ. Như vậy, việc chị T vay tiền của bà Q là giao dịch hợp pháp, chị T sử dụng tiền vay cũng vào mục đích hợp pháp để tạo thu nhập hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng anh H chị T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh H cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà Q là có căn cứ. Người đại diện hợp pháp của anh H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh. Do đó, kháng cáo không được chấp nhận.

[2] *Về án phí phúc thẩm:* Anh H phải chịu tiền án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Đặng Thành H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 73/2018/DS -ST ngày 30-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

**Căn cứ các Điều 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự;** Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q đối với chị Võ Thị T và anh Đặng Thành H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.**

Buộc chị Võ Thị T và anh Đặng Thành H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Q 1.000.000.000 đồng tiền gốc, 113.986.000 tiền lãi. Tổng cộng 1.113.986.000 đồng (Một tỷ một trăm mười ba triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng)

**2. Về án phí sơ thẩm:**

Chị Võ Thị T và anh Đặng Thành H phải chịu 45.419.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng)

Hoàn trả cho bà Trần Thị Q 22.245.000 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013585 ngày 14-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh TN.

**3. Về án phí phúc thẩm:**

Anh Đặng Thành H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008375 ngày 20-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh TN. Ghi nhận anh H đã nộp xong khoản tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H.;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**Nguyễn Thị An Tiên**



